

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

**IVS**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2015**

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Giấy CNĐKKD số : Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 27/09/2011, Công ty đổi tên từ CTCP Chứng khoán VNS thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Vốn điều lệ : 161.000.000.000đ
- Vốn đầu tư của CSH : 161.000.000.000đ
- Địa chỉ : Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại : 04.35730073
- Số fax : 04.35730088
- Website : www.ivs.vn/www.ivs.com.vn
- Mã cổ phiếu : IVS

### **Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam trước là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS được thành lập vào ngày 28 tháng 08 năm 2007 tại Quyết định số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Quyết định số 311/QĐ-SGDHN ngày 30/06/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu CTCP Chứng khoán VNS (nay là CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam) với mã cổ phiếu IVS.

Thông báo số 551/TB-SGDHN ngày 25/07/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần Chứng khoán VNS, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại sàn HNX từ ngày 01/08/2011.

Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 27/09/2011, Công ty đổi tên từ CTCP Chứng khoán VNS thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam.

### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Công ty thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau:

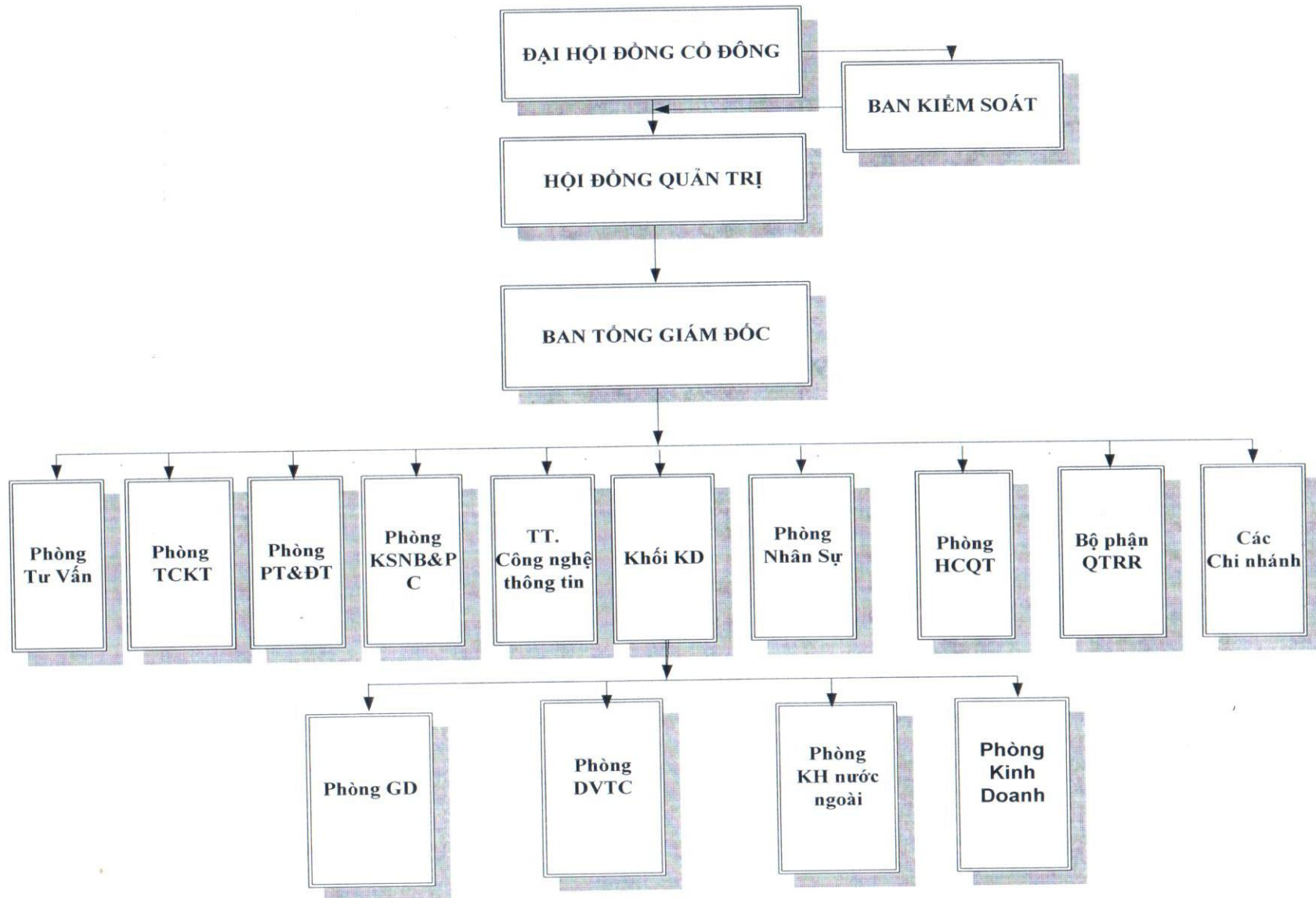
1. Môi giới chứng khoán.
2. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
3. Tự doanh chứng khoán.
4. Lưu ký chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh: Hội sở chính: Hà Nội và Chi nhánh: Hồ Chí Minh.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị; Ban giám đốc đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ:



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

---

### **4. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu năm 2015:

- + Tập trung phát triển hoạt động môi giới và các sản phẩm tiện ích;
- + Phát triển khách hàng tổ chức và cá nhân nước ngoài
- + Nâng cao tiềm lực tài chính;
- + Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin;
- + Thực hiện đầy đủ nguyên tắc kiểm soát và quản trị rủi ro.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam.
- + Mở rộng và phát triển mạng lưới trên toàn quốc và ra thị trường nước ngoài đặc biệt là khu vực Châu Á.
- + Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, chuyên nghiệp đội ngũ cán bộ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tham gia xây dựng hình ảnh Công ty văn minh, lịch sự; CBNV thân thiện hòa đồng. Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục...; các chương trình thể thao, ca nhạc của ngành...

### **5. Các rủi ro:**

Năm 2015 là một năm đầy bất ổn cả về kinh tế lẫn địa chính trị. Nhật Bản bước vào quý suy giảm thứ 2 liên tiếp trong khi nền kinh tế thứ 2 thế giới là Trung Quốc có dấu hiệu giảm tốc. Điều này khiến nhiều nước liên tiếp thực thi chính sách nới lỏng tiền tệ gây ra nguy cơ chiến tranh tiền tệ. Giá dầu và hàng loạt giá các nguyên liệu đều ở mức thấp nhất gây khó khăn cho nhiều quốc gia.

Trước sự biến động mạnh từ thế giới nhưng Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao 6,68% và là điểm sáng lớn của Châu Á. Chỉ số lạm phát là 0,63% thấp nhất trong 14 năm nhờ vào sự giảm giá mạnh của nguyên liệu đầu vào. Chỉ số công nghiệp tăng 9.8% hơn 7.6% so với năm 2014. Thu hút vốn nước ngoài gia tăng mạnh đạt 14,5 tỷ USD tăng 17.4% so với cùng kỳ 2014. Chính sách tiền tệ ổn định và lãi suất tiếp tục giữ ổn định ở mức 5-7% trong hơn 1 năm qua.

Kết thúc năm 2015 cả hai chỉ số tăng giảm trái chiều, chỉ số VN-Index tăng nhẹ 6,1% nhưng chỉ số HNX lại giảm 3,6 %. Thanh khoản của thị trường so với năm 2014. Nguyên nhân có thể đến từ nhiều phía, một phần do sự biến động của TTCK thế giới cũng như việc dòng tiền dịch chuyển mạnh khi FED nâng lãi suất

Trên cơ sở đánh giá một cách tổng quan, IVS nhận thấy các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

### **- Rủi ro hoạt động:**

Đây là những rủi ro được sinh ra do các nhân tố như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác. Rủi ro này bao gồm cả những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Để hạn chế thấp nhất rủi ro này IVS đã thực hiện đầy đủ các nguyên tắc về kiểm soát rủi ro, quản trị rủi ro. Bên cạnh đó IVS chú trọng vào đầu tư công nghệ hiện đại, phần mềm giao dịch tiên tiến có độ an toàn cao, giao dịch online... Mặt khác đào tạo nâng cao nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho CBNV, tuân thủ nghiêm các quy trình đã được ban hành... Vì vậy trong năm 2015 IVS đã không để xảy ra rủi ro nào nghiêm trọng.

### **- Rủi ro tín dụng:**

Là rủi ro mà CTCK có khả năng không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Trong tình hình hiện tại thì giao dịch ký quỹ vẫn được coi là một công cụ cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc đua giành thị phần môi giới vì vậy việc tuân thủ quy trình giao dịch ký quỹ, cập nhật danh sách danh mục, theo dõi và đôn đốc thu nợ là một biện pháp hữu hiệu để quản lý rủi ro này.

### **- Rủi ro thanh toán:**

Đó là việc Công ty bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày. Rủi ro này phát sinh là do Công ty cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà chưa đặt nặng yêu cầu quản trị rủi ro cũng như việc cân đối nguồn tiền thực tế để thanh toán.

Năm 2015 với tiềm lực tài chính cộng thêm với sự tuân thủ và thận trọng IVS đảm bảo không phát sinh rủi ro về thanh toán, tài khoản của khách hàng được tạo điều kiện đối ta trong giao dịch...

### **- Rủi ro thanh khoản của thị trường:**

Khi thanh khoản của thị trường biến động bất thường và đột ngột sẽ ảnh hưởng đến Công ty chứng khoán đặc biệt là các nghiệp vụ tự doanh, ký quỹ và các dịch vụ hỗ trợ tài chính khác.

Trong năm 2015 vừa qua đã chứng kiến sự biến động tích cực của thị trường do các yếu tố chính trị: tình hình ở Biển Đông, các yếu tố thế giới: giá dầu giảm...đều ảnh hưởng không nhỏ đến các công ty chứng khoán.

Có thể thấy rủi ro thị trường là rủi ro biến động, không loại bỏ hoàn toàn vì vậy để kiểm soát tốt rủi ro này IVS đã chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự phân tích chuyên nghiệp về phân tích, về dự báo, về đánh giá...nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

### - Rủi ro tuân thủ:

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên TTCK. Trong quá trình hoạt động tất cả các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống.

Năm 2015 rất nhiều các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của thị trường chứng khoán, các cơ quan quản lý như UBCK, các Sở, TTLK ... đã có những buổi hội thảo, hướng dẫn cho các công ty chứng khoán thành viên. Từ đó IVS cũng đã cập nhật, chỉ đạo đến các phòng ban, nhân viên thực hiện.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2015

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 dưới sự chỉ đạo nhất quán của Hội đồng quản trị, sự nhạy bén của Ban giám đốc, sự nỗ lực đồng lòng của tập thể cán bộ nên kết thúc năm tài chính 2015 IVS đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm.

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Đã điều chỉnh)	Thực hiện	%
1	Tổng Doanh thu	26.150.000.000	30.890.741.481	118
2	Tổng Chi phí	23.512.000.000	23.998.042.190	102
3	Lợi nhuận sau thuế	2.057.640.000	5.396.498.299	262

Mặc dù IVS đã hoàn thành kế hoạch năm nhưng do năm 2015 đã được đánh giá và ghi nhận khó khăn hơn năm 2014. Vì vậy các chỉ tiêu tài chính năm 2015 của IVS đều giảm so với năm 2014. Cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng trưởng (%)
1	Tổng tài sản	241,642,407,330	230,566,080,099	-4.80%
2	Vốn chủ sở hữu	174,095,475,467	168,195,580,495	-3.51%
3	Vốn điều lệ	161,000,000,000	161,000,000,000	0.00%
4	Doanh thu thuần	35,848,402,176	30,788,457,518	-16.43%
5	Lợi nhuận trước thuế	11,749,591,338	6,892,699,291	-70.46%
6	Lợi nhuận sau thuế	9,179,686,883	5,396,498,299	-70.10%
7	EPS (đồng/cổ phiếu)	570	335	-70.15%
8	Giá trị sổ sách (đồng)	10,813	10,447	-3.51%

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

---

**2. Tổ chức và nhân sự**

**2.1- Danh sách Ban điều hành:**

Ông Đoàn Ngọc Hoàn	- Tổng giám đốc
Ông Bùi Quang Kỳ	- Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Thế Lợi	- Phó Tổng giám đốc

**+ Ông Đoàn Ngọc Hoàn – Tổng giám đốc:**

- Họ và tên:	Đoàn Ngọc Hoàn
- Giới tính:	Nam
- Chức vụ hiện tại:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Ngày sinh:	19/04/1974
- Địa chỉ thường trú:	19 Lô 6, ĐTM Trung Yên, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà nội
- Số CMND/Hộ chiếu:	012636462 Ngày cấp 24/10/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:	
* Từ năm 1995 - 2000	Phó trưởng phòng Kế toán, Trưởng phòng Điện toán Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
* Từ năm 2000 – T5/2007	Phó Trưởng Ban thông tin Tổng hợp, Trưởng phòng Thông tin và CNTT, Giám đốc Trung tâm Thông tin và CNTT Công ty Tài chính Dầu Khí PVFC
* Từ T6/2007 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	1.500.000 cổ phần

**+ Ông Bùi Quang Kỳ – Phó Tổng giám đốc:**

- Họ và tên:	Bùi Quang Kỳ
- Giới tính:	Nam
- Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc
- Ngày sinh:	02/02/1972
- Địa chỉ thường trú:	Thụy Dương, Thái Thụy, Thái Bình
- Số CMND/Hộ chiếu:	0150929871 Ngày cấp: 18/12/2009 Nơi cấp CA Thái Bình
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
* Từ năm T6/1998 –T12/2004	Nhân viên Kế toán, Kế toán trưởng từ tháng 9/2001 Công ty

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

---

	Hecnytransportion
* Từ T1/2005 – T1/2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại sản xuất thiết bị và máy tính
* Từ T1/2007 – T12/2009	Phó phòng Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ kiêm Quyền trưởng ban Kiểm soát Nội bộ Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
* Từ T1/2010-T2/2011	Kế toán trưởng CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
* Từ T3/2011-T3/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
* Từ T3/2015- đến nay	Phó Tổng Giám đốc
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không

**+ Ông Đinh Thế Lợi – Phó Tổng giám đốc:**

- Họ và tên:	Đinh Thế Lợi
- Giới tính:	Nam
- Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc
- Ngày sinh:	21/08/1980
- Địa chỉ thường trú:	Phòng 402, Nhà N1, Khu 7,2ha Vĩnh Phúc, Ba Đình Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu:	100720150, Ngày cấp: 05/07/2007, Nơi cấp: Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
- Quá trình công tác:	
* Từ năm 2009 – 2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương
* Từ năm 2010 - 2013	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh
* Từ năm 2013 - 2014	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
* Từ năm 2014 - 2015	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh
* Từ T8/2015 - T11/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM
* Từ T12/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không

**2.2- Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Số lượng cán bộ, nhân viên.



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

Đối tượng	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm	Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho công ty trong năm	Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm	Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm	Số CCHN của người có CCHN cuối năm
Ban Giám đốc	4/5	1/2	1/1	4/4	4
Bộ phận môi giới	7/13	2/3	1/2	6/12	6
Bộ phận tự doanh	6/6	0/0	0/0	6/6	6
Bộ phận BLPH					
B.phận tư vấn đầu tư CK	6/6	1/1	1/1	6/6	6
Bộ phận khác	2/11	0/0	0/0	2/11	2
<b>Tổng số</b>	<b>25/41</b>	<b>4/6</b>	<b>3/4</b>	<b>24/39</b>	<b>24</b>

Trong năm 2015 IVS đã thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi cho người lao động. Và để đạt được kết quả kinh doanh của năm 2015 IVS cũng đã xây dựng cơ chế lương gắn với kết quả kinh doanh nhằm tạo động lực phát triển cho mỗi CBNV.

Bên cạnh đó các hoạt động dã ngoại, nghỉ hè, du xuân đều được IVS tổ chức đều đặn hàng năm, coi đây là cơ hội để CBNV có thể tái tạo sức lao động, đoàn kết, gắn bó.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn:
- Các công ty liên kết:

### 4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	241,642,407,330	230,566,080,099	-4.80%
Doanh thu thuần	35,848,402,176	30,788,457,518	-16.43%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,754,618,176	6,790,415,328	-73.11%
Lợi nhuận khác	(5,026,838)	102,283,963	104.91%
Lợi nhuận trước thuế	11,749,591,338	6,892,699,291	-70.46%
Lợi nhuận sau thuế	9,179,686,883	5,396,498,299	-70.10%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	3%	

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2.77	2.88	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.27	0.28	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	28%	27%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	38%	37%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14.8%	13.4%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.50%	1.75%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7.20%	3.20%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5.20%	2.30%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3.28%	2.21%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: 16.100.000 (Mười sáu nghìn một trăm) cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/02/2016 (do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp):

Stt	Cổ đông	Số cổ phần Sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>12.247.300</b>	<b>76.1%</b>
1	Cá nhân	12.237.300	76%
2	Tổ chức	10.000	0.1%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>3.852.700</b>	<b>23.9%</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

1	Cá nhân	1.687.100	10.5%
2	Tổ chức	2.165.600	13.4%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16,100,000</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
1. Vốn đầu tư CSH	161.000.000.000			161.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần				
3. Vốn CSH khác				
4. Cổ phiếu quỹ				
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
7. Quỹ đầu tư phát triển	271.963.694	627.577.404		899.541.098
8. Quỹ dự phòng tài chính	271.963.694	627.577.404		899.541.098
9. Các quỹ khác thuộc vốn CSH				
10. Lợi nhuận chưa phân phối	12.551.548.079	5.396.498.299	12.551.548.079	5.396.498.299

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

6.3. Tiêu thụ nước:

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

---

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: đến ngày 31/12/2015 IVS có 39 người, mức lương bình quân là: 8.125.000đ/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: tuân thủ số giờ lao động/ngày và số ngày làm việc/tuần. CBNV nữ được nghỉ các chế độ trước và sau thai sản. Chế độ nghỉ mát, vui chơi được chú trọng....

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho CBNV mới.

- Nâng cao kĩ năng, giao tiếp ứng xử cho CBNV.

- Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Tham gia các khóa tập huấn, hội thảo của UBCK, Sở GDCK và các lớp nghiệp vụ.

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Tham gia hỗ trợ các đoàn thể tại địa phương.

- Tham gia các phong trào của ngành.

### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### ***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:***

Năm 2015 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng toàn thể CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tiếp tục nỗ lực xây dựng và khẳng định thương hiệu IVS trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2015 IVS đã đạt được những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực sau:

#### 1.1. Hoạt động môi giới:

Hoạt động môi giới IVS trong năm 2015 diễn ra rất sôi động và khả quan. IVS vẫn duy trì được lượng khách hàng VIP, khách hàng thân thiết trong nhiều năm qua thông qua việc thực hiện nhiều giải pháp: chính sách chăm sóc khách hàng; sản phẩm dịch vụ đa dạng, ưu đãi; nguồn vốn đảm bảo; đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tình. Tính đến ngày 31/12/2015 IVS đạt gần 28.000 tài khoản trong nước bao gồm rất nhiều tổ chức doanh nghiệp lớn. Doanh thu của nhà đầu tư trong nước đạt trên 20 tỷ đồng.

Một lĩnh vực quan trọng khác của IVS năm 2015 là ưu tiên phát triển khách hàng Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Năm 2015 IVS đã tổ chức tiếp đón, hội thảo và ra mắt nhiều đoàn NĐT là doanh nghiệp, doanh nhân lớn Trung Quốc đại lục – là cổ đông chiến lược của IVS: Tập đoàn 001 Triết Giang (Trung Quốc), Tập đoàn Thái Vũ (Trung Quốc, Công ty quốc tế Thái Phong (Hồng Kông).

#### 1.2. Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp xác định là nền tảng hoạt động của IVS. Năm 2015 IVS vẫn là khách hàng chính của Tổng Công ty kinh doanh vốn nhà nước - SCIC. Ngoài ra IVS cũng thực hiện được nhiều hợp đồng tư vấn trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: tư vấn phát hành; tư vấn niêm yết; quản lý sở cổ đông, tư vấn đại hội...nhằm quảng bá hình ảnh một IVS là một tổ chức tài chính chuyên nghiệp, uy tín đối với NĐT doanh nghiệp và NĐT cá nhân.

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

### **1.3. Hoạt động Công nghệ thông tin:**

Công nghệ thông tin được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sự thành công của IVS. IVS phối hợp với nhà cung cấp phần mềm Hàn Quốc đưa ra nhiều tính năng ưu việt nhằm hỗ trợ tối đa Nhà đầu tư, giúp Nhà đầu tư hiện thực hóa lợi nhuận của mình.

Năm 2015 IVS đã hoàn thiện xong hệ thống phần mềm phiên bản tiếng Trung tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà đầu tư Trung Quốc.

Đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin của IVS có trình độ năng lực đảm bảo cho Công ty vận hành hệ thống giao dịch thông suốt, khả năng tùy biến linh hoạt kịp thời trong mọi trường hợp.

Công nghệ thông tin cũng đã hỗ trợ tích cực cho các bộ phận như giao dịch, lưu ký, kế toán, tư vấn... tạo cho IVS phong cách chuyên nghiệp, hiện đại.

### **1.4. Hoạt động nguồn vốn:**

Bộ phận nguồn của Công ty luôn có kế hoạch phân bổ nguồn hợp lý, khoa học đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó việc kinh doanh nguồn luôn đảm bảo nguyên tắc an toàn vốn, thực hiện đúng các yêu cầu quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

### **1.5. Hoạt động của khối hỗ trợ:**

Các bộ phận hỗ trợ của Công ty như: tài chính kế toán, phân tích, truyền thông, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự... đều có trình độ kiến thức đồng đều, có thâm niên quản lý về tài chính và chứng khoán đáp ứng được các yêu cầu phát triển của thị trường. Các hoạt động của khối hỗ trợ thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đã ban hành, tuân thủ các nguyên tắc quản trị rủi ro nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật cho khách hàng; an toàn tài chính cho Công ty.

## **2. Tình hình tài sản:**

Cuối năm 2015 Tổng tài sản của IVS là 227.3 tỷ đồng, giảm 4.5% so với năm 2015. Trong năm tình hình biến động về tài sản không lớn.

Tình hình vay và nợ phải trả: Hiện không có các khoản vay và nợ phải trả là khoản thanh toán bù trừ cho 02 Sở.

Chênh lệch tỷ giá: không ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Trong năm 2015 IVS duy trì ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý; tập trung và đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ giới chuyên môn nghiệp vụ.

Trong năm 2015 yêu cầu tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả giám sát mọi mặt hoạt động.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

IVS giữ vững sự tăng trưởng, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

IVS chú trọng vào phát triển nguồn nhân lực cao cấp.

IVS đầu tư nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin;

IVS phát triển các tiện ích, sản phẩm dịch vụ hiện đại cho Nhà đầu tư;

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

IVS nâng cao năng lực tài chính, tìm kiếm, kêu gọi các cá nhân và tổ chức nước ngoài đầu tư nhằm đưa thương hiệu IVS ra tầm quốc tế.

IVS nghiên cứu và áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, kiểm soát rủi ro.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không có.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Hoạt động giao dịch: Hoạt động môi giới IVS vẫn tiếp tục phát triển theo chiều sâu, tập trung vào nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, mức độ tự động hóa cao.

IVS chú trọng phát triển các dịch vụ gia tăng cho khách hàng, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận tối đa các công cụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2015 cùng với các giải pháp tích cực của thị trường, IVS cũng đã ban hành những chính sách môi giới phù hợp để thu hút khách hàng, thu hút nhân lực có tiềm năng gia tăng doanh thu môi giới. Doanh thu về môi giới năm 2015 đạt gần 15.5 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/12/2015, số lượng tài khoản đạt trên 28.000 tài khoản, trong đó có nhiều tài khoản của Tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

Trong năm 2015 mọi giao dịch chứng khoán với khách hàng đều được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên đảm bảo có tư cách, đạo đức nghề nghiệp tốt, tuân thủ đúng các nguyên tắc về giao dịch chứng khoán. Luôn đảm bảo về mặt số lương, thời gian.. với các đợt triển khai, test hệ thống của các Sở và Trung tâm lưu ký.

- Hoạt động đầu tư: IVS thực hiện đầu tư trên cơ sở thận trọng, hiệu quả. Đối với mỗi hoạt động tư đều được đánh giá và xin ý kiến của HĐQT trên cơ sở đã phân tích, đánh giá đầy đủ các thông tin liên quan.

- Hoạt động kinh doanh nguồn vốn: Nguồn vốn luôn được tập trung đảm bảo đầy đủ nhu cầu của Công ty. IVS luôn chú trọng phân tích các ngân hàng tiềm lực, thực hiện theo đúng quy trình để đảm bảo an toàn vốn. Công tác kiểm soát nội bộ được tăng cường để đảm bảo an toàn, hợp lệ từ khâu thỏa thuận, lập hợp đồng, gửi tiền đi, nhận tiền về và lưu trữ hợp đồng, chứng từ.

- Hoạt động tư vấn: IVS vẫn là khách hàng lớn của Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước SCIC. IVS được khách hàng đánh giá cao chất lượng dịch vụ cũng như thái độ, phong cách chuyên nghiệp.

- Hoạt động đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin: CNTT được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sự thành công của IVS. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư hiện đại, đội ngũ cán bộ chuyên sâu luôn đảm bảo cho hệ thống giao dịch toàn Công ty luôn thông suốt, có khả năng xử lý mọi tình huống phát sinh và hạn chế, ngăn chặn được các lỗi phát sinh.

- Hoạt động tài chính kế toán: Hoạt động tài chính kế toán đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính của công tác tài chính kế toán theo đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty. Thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ các chi phí phát sinh trong toàn Công ty theo đúng kế hoạch và định mức chi phí đã được phê duyệt, kịp thời có những đề xuất kiến nghị và tham mưu.

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

- Hoạt động công bố thông tin: IVS là công ty niêm yết vì vậy hoạt động công bố thông tin luôn kịp thời, đảm bảo tính minh bạch, phản ánh trung thực, đầy đủ các thông tin liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty theo quy định.

- Hoạt động Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro: đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong toàn bộ mọi hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra các đề xuất cần thiết nhằm hạn chế rủi ro phát sinh trong từng hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo an toàn tuyệt đối về tiền và chứng khoán cho các nhà đầu tư.

- Hoạt động truyền thông: Thông qua hoạt động truyền thông, thương hiệu chứng khoán IVS ngày nay tiếp tục được khách hàng biết đến như là một thương hiệu Công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam. Mặc dù hoạt động kinh doanh trong năm không thuận lợi nhưng Công ty vẫn tiếp tục duy trì và củng cố mối quan hệ với báo chí - truyền hình như đăng bài; thực hiện phóng sự; đăng ảnh, tin trên các đầu báo có lượng phát hành lớn; giữ mối quan hệ tốt với các phóng viên, báo, đài và hoạt động PR ngày càng chuyên nghiệp hơn trong các việc tổ chức các sự kiện lớn của Công ty. Trong năm hoạt động PR của Công ty đã chú trọng hơn đến các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm củng cố và tạo môi trường làm việc lành mạnh, gắn kết hơn giữa CBNV và Công ty.

- Hoạt động Chi nhánh IVS Hồ Chí Minh:

Thị trường khó khăn, IVS Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc Hội sở đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy theo hướng gọn nhẹ, năng động. Bên cạnh đó có những chính sách ưu tiên cho Chi nhánh phát triển, thu hút khách hàng lớn. Vì vậy năm 2015 Chi nhánh đã hoàn thành được kế hoạch năm.

### ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.***

Ban giám đốc của Công ty đã có những chỉ đạo, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty một cách sát sao, kịp thời và đúng đắn. Ban giám đốc đã có những báo cáo kịp thời về tình hình kinh doanh của Công ty để HĐQT có những thay đổi trong chiến lược kinh doanh phù hợp với thực tế của thị trường.

### ***3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị sẽ đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, ban hành tiêu bản quản trị rủi ro, bổ nhiệm thành viên chuyên trách hỗ trợ HĐQT trong công tác quản lý và giám sát.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.**

### ***1. Hội đồng quản trị***

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Duy Toại	- Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Ngọc Hoàn	- Phó chủ tịch HĐQT
Ông Xiang Qing Song	- Phó chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Minh	- Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Đức Hiền	- Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Thao	- Thành viên HĐQT
Ông Wang Shao Hua	- Thành viên HĐQT

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	1.019.500	6,33%
2	Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.500.000	9,32%
3	Ông Xiang Qing Song	Phó chủ tịch HĐQT	1.200.000	7,45%
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	300.000	1,86%
5	Ông Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	0	0
6	Ông Nguyễn Duy Thao	Thành viên HĐQT	479.400	2,98%
7	Ông Wang Shao Hua	Thành viên HĐQT	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro bao gồm Ông Hoàng Đức Hiền – Trưởng tiểu ban Quản trị rủi ro. Ông Đoàn Ngọc Hoàn – Thành viên. Ông Nguyễn Hữu Bình – Thành viên.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Biên bản	Số Quyết định, Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0202/2015/BB- HĐQT.IVS		02/02/2015	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2014 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Thông qua công tác chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ năm 2015.
2	2003/2015/ BB- HĐQT.IVS		20/03/2015	Thông qua đơn xin nghỉ việc của Ông Phạm Hữu Tuấn. Thay đổi nhân sự của Công ty
3	2305/2015/BB- HĐQT.IVS		23/05/2015	Thông qua các kế hoạch và hạn mức tự doanh. Thông qua việc bổ nhiệm ông Hoàng Đức Hiền –



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

				thành viên HĐQT làm trưởng ban QTRR
4	2406/2015/BB-HĐQT.IVS		24/06/2015	Đánh giá hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 06 tháng cuối năm 2015. Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014
5	1008/2015/BB-HĐQT.IVS		10/08/2015	Ban hành quy trình đầu tư tự doanh và hạn mức đầu tư tự doanh
6	20/10/2015/BB-HĐQT.IVS		20/10/2015	Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2015.
7	26/11/2015/BB-HĐQT.IVS		26/11/2015	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2015
8	07/12/2015/BB-HĐQT.IVS		07/12/2015	Ban giám đốc triển khai đàm phán với một số đối tác Trung Quốc trong việc mở rộng thị trường.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hiện HĐQT có 04 thành viên độc lập không điều hành là:

Ông Lê Văn Minh	- Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Đức Hiền	- Thành viên HĐQT
Ông Wang Shao Hua	- Thành viên HĐQT
Ông Xiang Qing Song	- Thành viên HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro được thành lập ban giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng và giám sát hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

### 2. Ban Kiểm soát

a) Ban kiểm soát:

Ông Trần Công Văn	- Trưởng ban
Bà Lê Thị Hương	- Thành viên
Bà Lê Thị Huệ	- Thành viên

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Trần Công Văn	Trưởng ban	0	0
2	Bà Lê Thị Hương	Thành viên	0	0

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

3	Bà Lê Thị Huệ	Thành viên	0	0
---	---------------	------------	---	---

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức định kỳ hàng quý, đột xuất theo vụ việc và theo giấy mời của HĐQT để tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Kiểm tra tính tuân thủ, hợp pháp trong quản lý điều hành của Ban giám đốc, lãnh đạo các Khối/phòng/ban.
- Kiểm tra trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định, văn bản của HĐQT và Ban giám đốc của phù hợp với Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cũng như các văn bản hướng dẫn riêng.
- Thẩm định báo cáo tài chính Quý/Năm.
- Kiểm tra nội dung và thời hạn của việc Công bố thông tin.
- Kiểm tra trình tự giải quyết các thắc mắc của khách hàng...

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2015/BB-BKS-IVS	4/2/2015	Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.
2	02/2015/BB-BKS-IVS	25/12/2015	Đánh giá các chỉ tiêu tài chính năm 2015

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Trong năm 2015 các khoản thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đều thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	
2	Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	5.000.000	

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

3	Ông Xiang Qing Song	Phó chủ tịch HĐQT	5.000.000	
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	5.000.000	
5	Ông Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	5.000.000	
6	Ông Nguyễn Duy Thao	Thành viên HĐQT	5.000.000	
7	Ông Wang Shao Hua	Thành viên HĐQT	5.000.000	
8	Ông Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	
9	Ông Trần Công Văn	Trưởng ban	4.000.000	
10	Bà Lê Thị Hương	Thành viên	2.000.000	
11	Bà Lê Thị Huệ	Thành viên	2.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

St t	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Thao	Cổ đông nội bộ	779.400	4,84%	479.400	2,98%	Đầu tư
2	Xiang Qing Song	Cổ đông nội bộ	2.000.000	12,42%	1.200.00 0	7,45%	Đầu tư
3	Wang Shao Hua	Cổ đông nội bộ	705.000	4,38%	0	0	Đầu tư
4	Hoàng Đức Hiền	Cổ đông nội bộ	800.000	4,97%	0	0	Đầu tư
5	Lê Thị Hương	Cổ đông nội bộ	35.000	0,22%	0	0	Đầu tư

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ;
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

### VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 1. Ý kiến kiểm toán:

Trong Báo cáo kiểm toán độc lập Số: 177/BCKT/TC/NV5 ngày 02 tháng 03 năm 2016 do Công ty Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam phát hành, mục "Ý kiến kiểm toán" nêu: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

#### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

(Chi tiết Báo cáo tài chính đính kèm)

CTCP CHỨNG KHOÁN  
ĐẦU TƯ VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Đoàn Ngọc Hoàn*

11/11/2015 15:02:15



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
Đã được kiểm toán

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2-4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5-6
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-26

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **KHAI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	
Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ tịch HĐQT	
Phạm Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/03/2015
Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	
Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Duy Thao	Thành viên HĐQT	
Xiang Qing Song	Thành viên HĐQT	
Wang Shao Hua	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 21/03/2015

#### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm**

Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	
Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	
Bùi Quang Kỳ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/04/2015
Nguyễn Thị Hồng	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 01/04/2015



**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm**

Trần Công Văn	Trưởng Ban kiểm soát	
Lã Thị Hương	Thành viên Ban kiểm soát	
Đoàn Trung Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 21/03/2015
Lê Thị Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21/03/2015

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá (AVA) - Đơn vị được UBCKNN chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2016

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc**



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: "S.G.P: 54 - C.T.C.P" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM" in the center, and "Q. ĐÔNG ĐA - TP. HÀ NỘI" at the bottom. A blue ink signature is written across the center of the stamp.

**Đoàn Ngọc Hoàn**

02  
C  
CH  
EM  
AN  
IE  
YX



Số: 1229/BCKT/TC/NV5

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam, được lập ngày 23/01/2016, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

51  
NG  
HIỆM  
TO  
ĐỊ  
TN  
UÂN

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN VIỆT LONG**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán  
số: 0692-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2016

\_\_\_\_\_  
**NGÔ QUANG TIẾN**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán  
số: 0448-2014-126-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>179.835.892.756</b>	<b>187.340.068.066</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>64.870.720.902</b>	<b>66.865.700.680</b>
1. Tiền	111		64.870.720.902	66.865.700.680
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.03</b>	<b>23.644.303.673</b>	<b>23.729.243.855</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.684.416.155	23.768.305.830
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(40.112.482)	(39.061.975)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.04</b>	<b>88.523.325.269</b>	<b>94.676.004.859</b>
1. Phải thu khách hàng	131		948.776.000	956.130.832
2. Trả trước cho người bán	132		3.631.464.060	3.395.208.780
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		68.250.084.807	76.300.252.823
5. Các khoản phải thu khác	138		16.778.556.730	14.862.205.419
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.085.556.328)	(837.792.995)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.797.542.912</b>	<b>2.069.118.672</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		345.236.599	425.264.359
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.05</b>	2.452.306.313	1.643.854.313
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.730.187.343</b>	<b>54.302.339.264</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.979.288.427</b>	<b>14.192.193.737</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.06</b>	2.349.717.474	2.686.750.536
- Nguyên giá	222		12.332.131.411	11.893.249.011
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.982.413.937)	(9.206.498.475)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.07</b>	7.629.570.953	11.505.443.201
- Nguyên giá	228		29.220.496.930	29.220.496.930
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(21.590.925.977)	(17.715.053.729)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.03</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		17.000.000.000	17.000.000.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		19.000.000.000	19.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.750.898.916</b>	<b>4.110.145.527</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.08</b>	394.857.145	432.750.049
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		3.924.741.771	3.246.095.478
4. Tài sản dài hạn khác	268	<b>V.09</b>	431.300.000	431.300.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>230.566.080.099</b>	<b>241.642.407.330</b>

AN  
IA  
HAN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.370.499.604</b>	<b>67.546.931.863</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.370.499.604</b>	<b>67.546.931.863</b>
2. Phải trả người bán	312		437.795.230	1.185.284.497
3. Người mua trả tiền trước	313		78.500.000	227.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.655.729.073	2.179.529.104
5. Phải trả người lao động	315		351.502.038	48.630.332
6. Chi phí phải trả	316		447.416.120	524.328.246
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	1.895.542.070	4.780.671.414
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.12	57.196.117.667	58.323.895.304
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		81.900	81.900
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1.000	1.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		68.739.754	45.346.483
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	V.13	239.074.752	232.163.583
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>168.195.580.495</b>	<b>174.095.475.467</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>168.195.580.495</b>	<b>174.095.475.467</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.000.000.000	161.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		899.541.098	271.963.694
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		899.541.098	271.963.694
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.396.498.299	12.551.548.079
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>230.566.080.099</b>	<b>241.642.407.330</b>



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		848.841.130.000	852.625.910.000
Trong đó				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		830.609.230.000	819.201.530.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		49.330.000	48.050.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		800.151.590.000	786.117.320.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		30.408.310.000	33.036.160.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		392.150.000	4.646.150.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		392.150.000	4.646.150.000
6.5 Chứng khoán chờ thành toán	027		17.839.750.000	28.778.230.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thành toán của khách hàng trong nước	029		17.839.750.000	28.778.230.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thành toán của khách hàng nước ngoài	030			-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		<b>111.744.480.000</b>	<b>228.531.380.000</b>
Trong đó				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		<b>105.094.480.000</b>	<b>226.521.380.000</b>
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		2.830.000	2.300.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		79.658.550.000	201.064.380.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		25.433.100.000	25.454.700.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		<b>6.650.000.000</b>	<b>2.010.000.000</b>
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		6.650.000.000	2.010.000.000

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <i>Trong đó</i>	<b>01</b>	<b>V.14</b>	<b>30.788.457.518</b>	<b>35.848.402.176</b>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		8.947.026.607	15.480.415.242
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		3.595.852.936	3.028.528.178
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.101.819.869	2.434.272.728
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		418.079.351	363.414.041
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		2.468.151.385	2.616.840.369
- Doanh thu khác	01.9		12.257.527.370	11.924.931.618
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>30.788.457.518</b>	<b>35.848.402.176</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>V.15</b>	<b>11.236.449.948</b>	<b>11.978.764.740</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>19.552.007.570</b>	<b>23.869.637.436</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>12.761.592.242</b>	<b>12.115.019.260</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.790.415.328</b>	<b>11.754.618.176</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		102.283.963	128.366.157
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		-	133.392.995
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		102.283.963	(5.026.838)
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.892.699.291</b>	<b>11.749.591.338</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>V.16</b>	1.496.200.992	2.569.904.455
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>5.396.498.299</b>	<b>9.179.686.883</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.17</b>	<b>335</b>	<b>570</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan



Nguyễn Thị Hồng



Đoàn Ngọc Hoàn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế			6.892.699.291	11.749.591.338
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.651.787.710	4.833.977.548
- Các khoản dự phòng	03		248.813.840	(274.780.627)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.828.762.660)	(2.747.006.359)
- Chi phí lãi vay	06			308.543.052
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.964.538.181	13.870.324.952
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.920.233.879	(11.956.758.232)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.253.551.363)	2.293.075.110
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		37.892.904	(63.460.370)
- Tiền lãi vay đã trả	13			(308.543.052)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.819.545.239)	(1.104.477.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(1.299.341.420)	917.257.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.550.226.942	3.647.419.320
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(438.882.400)	(1.862.420.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			90.909.091
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.984.090.000)	(80.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.874.034.000	5.618.901.820
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		600.320.180	493.642.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.051.381.780	4.340.953.709
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			49.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(49.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.596.588.500)	(54.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.596.588.500)	(54.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.994.979.778)	7.934.073.029
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		66.865.700.680	58.931.627.651
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		64.870.720.902	66.865.700.680

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan



Nguyễn Thị Hồng



Đoàn Ngọc Hoàn

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2015

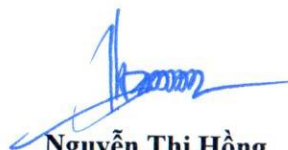
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000	-	-	-	-	161.000.000.000	161.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		271.963.694	271.963.694	-	-	627.577.404	-	271.963.694	899.541.098
8. Quỹ dự phòng tài chính		271.963.694	271.963.694	-	-	627.577.404	-	271.963.694	899.541.098
10. Lợi nhuận chưa phân phối		3.371.861.196	12.551.548.079	9.179.686.883	-	5.396.498.299	12.551.548.079	12.551.548.079	5.396.498.299
<b>Cộng</b>		<b>164.915.788.584</b>	<b>174.095.475.467</b>	<b>9.179.686.883</b>	<b>-</b>	<b>6.651.653.107</b>	<b>12.551.548.079</b>	<b>174.095.475.467</b>	<b>168.195.580.495</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

#### **2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tụ doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

51  
V  
H  
T  
Đ  
I  
A

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính ban hành. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	02 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Phần mềm	05 - 08 năm

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

##### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

##### **5. Nguyên tắc ghi nhận Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

074  
i T  
HỒ  
ẤN  
NH  
JA  
v-1

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Y/C  
UHA  
J.V  
GI  
M

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức được xác lập.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã ghi nhận.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**11. Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính- hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

11  
A.P.N

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT**

**1 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Công ty</i>	<i>7.674.802.834</i>	<i>8.523.851.572</i>
Tiền mặt	23.633.254	60.931.320
Tiền gửi ngân hàng	7.651.169.580	8.462.920.252
<i>Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>57.195.918.068</i>	<i>58.341.849.108</i>
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	48.602.713.756	32.046.737.868
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	8.593.204.312	26.295.111.240
<b>Cộng</b>	<b><u>64.870.720.902</u></b>	<b><u>66.865.700.680</u></b>

Đơn vị tính: đồng

**2 . Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
<i>a) Của công ty chứng khoán</i>	<i>1.638.400</i>	<i>28.594.460.000</i>
- Cổ phiếu	1.638.400	28.594.460.000
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
<i>b) Của nhà đầu tư</i>	<i>429.306.199</i>	<i>5.477.471.017.600</i>
- Cổ phiếu	429.306.089	5.477.469.928.600
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	110	1.089.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>430.944.599</b>	<b>5.506.065.477.600</b>

VCCI

Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ sách		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
Chứng khoán thương mại	1.735.329	1.744.527	23.684.416.155	23.768.305.830	21.251.327	14.253.645	40.112.482	39.061.975	23.665.555.000	23.743.497.500
Cổ phiếu công ty Niêm yết	5.329	5.114	93.396.155	92.985.830	21.251.327	14.253.645	40.112.482	39.061.975	74.535.000	68.177.500
Cổ phiếu khác	5.329	5.114	93.396.155	92.985.830	21.251.327	14.253.645	40.112.482	39.061.975	74.535.000	68.177.500
Cổ phiếu công ty chưa Niêm yết (*)	1.730.000	1.739.413	23.591.020.000	23.675.320.000	-	-	-	-	23.591.020.000	23.675.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam	50.000	50.000	525.000.000	525.000.000					525.000.000	525.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Nam	30.000	30.000	966.020.000	966.020.000					966.020.000	966.020.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh	400.000	400.000	9.600.000.000	9.600.000.000					9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty CP Xây lắp Điện I	-	9.413	-	84.300.000					-	84.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Công nghiệp	650.000	650.000	6.500.000.000	6.500.000.000					6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính	600.000	600.000	6.000.000.000	6.000.000.000					6.000.000.000	6.000.000.000



## 3. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
<b>III. Đầu tư chứng khoán dài hạn</b>	<b>1.700.000</b>	<b>1.700.000</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>	
Mua cổ phần của Cty CP ĐTXD&TM Điện lực Miền Bắc	1.700.000	1.700.000	17.000.000.000	17.000.000.000	
<b>IV. Đầu tư dài hạn khác</b>			<b>19.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>	
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hoá (dài hạn)	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000	

## (\*) Ghi chú:

Những cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, do không thể thu thập được giá thị trường của các loại cổ phiếu này nên giá trị thị trường của các loại cổ phiếu này được phản ánh theo giá trị trên sổ sách kế toán của Công ty.

4. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh		Số cuối năm		
	Tổng số	Số quá hạn	Số dự phòng	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số dự phòng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>1. Phải thu của khách hàng và trả trước người bán</b>	<b>4.351.339.612</b>	<b>796.208.700</b>	<b>515.208.700</b>	<b>3.499.868.622</b>	<b>3.270.968.174</b>	<b>4.580.240.060</b>	<b>796.208.700</b>	<b>766.208.700</b>
- Phải thu của khách hàng	956.130.832	729.676.000	448.676.000	2.918.943.122	2.926.297.954	948.776.000	729.676.000	699.676.000
- Ứng trước cho người bán	3.395.208.780	66.532.700	66.532.700	580.925.500	344.670.220	3.631.464.060	66.532.700	66.532.700
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>76.300.252.823</b>	<b>62.710.405</b>	<b>62.710.405</b>	<b>5.745.465.113.644</b>	<b>5.753.515.281.660</b>	<b>68.250.084.807</b>	<b>59.473.738</b>	<b>59.473.738</b>
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK				7.686.830.000	7.686.830.000			
- Phải thu khách hàng về GDCK	75.808.746.723	62.710.405	62.710.405	3.057.664.991.188	3.066.230.309.204	67.243.428.707	59.473.738	59.473.738
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	491.506.100			3.330.291.356	2.815.141.356	1.006.656.100		
- Phải thu trung tâm lưu ký				2.676.783.001.100	2.676.783.001.100			
- Phải thu thành viên khác								
<b>3. Phải thu nội bộ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>4. Phải thu khác</b>	<b>14.862.205.419</b>	<b>259.873.890</b>	<b>259.873.890</b>	<b>29.364.141.837</b>	<b>27.447.790.526</b>	<b>16.778.556.730</b>	<b>259.873.890</b>	<b>259.873.890</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.513.797.854</b>	<b>1.118.792.995</b>	<b>837.792.995</b>	<b>5.778.329.124.103</b>	<b>5.784.234.040.360</b>	<b>89.608.881.597</b>	<b>1.115.556.328</b>	<b>1.085.556.328</b>

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Tạm ứng	2.442.306.313	1.633.854.313
<b>Cộng</b>	<b><u>2.452.306.313</u></b>	<b><u>1.643.854.313</u></b>

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	7.714.802.173	3.235.494.600	-	942.952.238	11.893.249.011
Số tăng trong năm	438.882.400	-	-	-	438.882.400
- Mua trong năm	438.882.400	-	-	-	438.882.400
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>8.153.684.573</u>	<u>3.235.494.600</u>	-	<u>942.952.238</u>	<u>12.332.131.411</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	7.154.071.859	1.109.474.378	-	942.952.238	9.206.498.475
Số tăng trong năm	313.701.958	462.213.504	-	-	775.915.462
- Khấu hao trong năm	313.701.958	462.213.504	-	-	775.915.462
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>7.467.773.817</u>	<u>1.571.687.882</u>	-	<u>942.952.238</u>	<u>9.982.413.937</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	560.730.314	2.126.020.222	-	-	2.686.750.536
Tại ngày 31/12/2015	<u>685.910.756</u>	<u>1.663.806.718</u>	-	-	<u>2.349.717.474</u>

- Tổng nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là: 7.657.927.011 đồng

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Phần mềm website	Phần mềm online trên điện thoại	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	27.707.496.930	1.200.000.000	313.000.000	29.220.496.930
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>27.707.496.930</u>	<u>1.200.000.000</u>	<u>313.000.000</u>	<u>29.220.496.930</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	17.130.159.469	480.000.000	104.894.260	17.715.053.729
Số tăng trong năm	-	3.531.538.920	240.000.000	104.333.328	3.875.872.248
- Khấu hao trong năm	-	3.531.538.920	240.000.000	104.333.328	3.875.872.248
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>20.661.698.389</u>	<u>720.000.000</u>	<u>209.227.588</u>	<u>21.590.925.977</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	10.577.337.461	720.000.000	208.105.740	11.505.443.201
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>7.045.798.541</u>	<u>480.000.000</u>	<u>103.772.412</u>	<u>7.629.570.953</u>

- Tổng nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là: 403.464.430 đồng

**8 . Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Chi phí sửa chữa chi nhánh Hồ Chí Minh	794.327	50.556.897
Chi phí công cụ dụng cụ	256.125.112	337.319.479
Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ	137.937.706	44.873.673
<b>Cộng</b>	<b><u>394.857.145</u></b>	<b><u>432.750.049</u></b>

**9 . Tài sản dài hạn khác**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	431.300.000	431.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>431.300.000</u></b>	<b><u>431.300.000</u></b>

**10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Thuế giá trị gia tăng	117.648.882	228.410.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.299.341.420	1.622.685.667
Thuế thu nhập cá nhân	238.738.771	328.433.164
<b>Cộng</b>	<b><u>1.655.729.073</u></b>	<b><u>2.179.529.104</u></b>

**11 . Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Kinh phí công đoàn	213.517.890	161.266.253
Bảo hiểm xã hội	113.130.938	143.442.953
Bảo hiểm y tế	20.654.065	29.516.960
Bảo hiểm thất nghiệp	11.447.684	11.410.827
Phải trả cổ tức	1.262.851.500	650.040.000
Phải trả phải nộp khác	273.939.993	3.784.994.421
<b>Cộng</b>	<b><u>1.895.542.070</u></b>	<b><u>4.780.671.414</u></b>

**12 . Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	23.246.068.200	25.705.868.600
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	-	23.410.000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác	33.950.049.467	32.594.616.704
<b>Cộng</b>	<b><u>57.196.117.667</u></b>	<b><u>58.323.895.304</u></b>

**13 . Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền cho thuê nhà nhận trước	239.074.752	232.163.583
<b>Cộng</b>	<b><u>239.074.752</u></b>	<b><u>232.163.583</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD**

**14 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.947.026.607	15.480.415.242
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.595.852.936	3.028.528.178
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.101.819.869	2.434.272.728
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	418.079.351	363.414.041
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	2.468.151.385	2.616.840.369
- Doanh thu khác	12.257.527.370	11.924.931.618
<b>Cộng</b>	<b><u>30.788.457.518</u></b>	<b><u>35.848.402.176</u></b>

205  
ÔN  
H NH  
M T  
M Đ  
Ệ T  
XU

15 . Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí kinh doanh chứng khoán  
Cộng

	Năm nay	Năm trước
	11.236.449.948	11.978.764.740
	<b>11.236.449.948</b>	<b>11.978.764.740</b>

16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN  
Cộng

	Năm nay	Năm trước
	1.496.200.992	2.569.904.455
	<b>1.496.200.992</b>	<b>2.569.904.455</b>

Chi phí thuế TNDN

Lợi nhuận trước thuế

Các khoản điều chỉnh

*Chi phí không được khấu trừ*

*Cổ tức được chia*

Thu nhập tính thuế

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm

Năm nay

6.892.699.291

(91.785.690)

508.534.490

(600.320.180)

**6.800.913.601**

1.496.200.992

**1.496.200.992**

Thuế TNDN trong kỳ

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	5.396.498.299	9.179.686.883
	5.396.498.299	9.179.686.883
	16.100.000	16.100.000
	<b>335</b>	<b>570</b>

VIII Những thông tin khác

1 . Thông tin về các bên liên quan

Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
Tổng

	Năm nay	Năm trước
	526.666.698	478.888.919
	<b>526.666.698</b>	<b>478.888.919</b>

2 . Kết quả kinh doanh giữa hai niên độ (năm 2015 và năm 2014)

STT	Lợi nhuận trước thuế	Năm nay	Năm trước	So sánh năm 2015 và năm 2014 (+/-)	
				Số tuyệt đối	Số tương đối
1	Hoạt động chính	6.790.415.328	11.754.618.176	(4.964.202.848)	-42,23%
2	Hoạt động tài chính	-	-	-	-
3	Hoạt động khác	102.283.963	(5.026.838)	107.310.801	2134,76%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.892.699.291</b>	<b>11.749.591.338</b>	<b>(4.856.892.047)</b>	<b>-41,34%</b>

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 so với năm 2014 giảm đi 4.856.892.047 đồng, tương ứng giảm 41,34%, nguyên nhân chủ yếu giảm lợi nhuận như sau:

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính giảm so với năm 2014, số tiền 4.964.202.848 đồng, tương ứng giảm 42,23%. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2014 doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn và khác của công ty giảm so với năm 2014 do năm 2015 thị trường chứng khoán kém sôi động và nhà đầu tư dè dặt hơn trong các giao dịch so với năm 2014.

+ Lợi nhuận khác tăng so với năm 2014 là 107.310.801 đồng, tương ứng tăng 2134,76%.

**3 . Báo cáo bộ phận - theo khu vực địa lý**

STT	Chỉ tiêu	Hội sở	CN Hồ Chí Minh	Tổng cộng
1	Doanh thu thuần	28.595.541.189	2.192.916.329	30.788.457.518
2	Tài sản bộ phận	225.436.930.955	5.129.149.144	230.566.080.099
3	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	438.882.400		438.882.400

**5 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	64.870.720.902		66.865.700.680	-
Các khoản đầu tư tài chính	59.684.416.155	40.112.482	59.768.305.830	39.061.975
<i>Ngắn hạn</i>	<i>23.684.416.155</i>	<i>40.112.482</i>	<i>23.768.305.830</i>	<i>39.061.975</i>
<i>Dài hạn</i>	<i>36.000.000.000</i>		<i>36.000.000.000</i>	
Phải thu của khách hàng	948.776.000	699.676.000	956.130.832	448.676.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	68.250.084.807	62.710.405	76.300.252.823	62.710.405
Các khoản phải thu khác	16.778.556.730	256.637.223	14.862.205.419	259.873.890
<b>Cộng</b>	<b>210.532.554.594</b>	<b>1.059.136.110</b>	<b>218.752.595.584</b>	<b>810.322.270</b>

B. Nợ phải trả	Giá trị sổ sách	
	31/12/2015	01/01/2015
	Phải trả người bán	437.795.230
Chi phí phải trả	447.416.120	524.328.246
Các khoản phải trả khác	1.895.542.070	4.780.671.414
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	57.196.117.667	58.323.895.304
<b>Cộng</b>	<b>59.976.871.087</b>	<b>64.814.179.461</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**6 . Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi phải thu để đôn đốc thu hồi.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**7 . Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp nhất có thể so với các khoản vay nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	1.185.284.497	-	-	1.185.284.497
Chi phí phải trả	524.328.246	-	-	524.328.246
Các khoản phải trả khác	4.780.671.414	-	-	4.780.671.414
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	58.323.895.304	-	-	58.323.895.304
<b>Cộng</b>	<b>64.814.179.461</b>	-	-	<b>64.814.179.461</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	437.795.230	-	-	437.795.230
Chi phí phải trả	447.416.120	-	-	447.416.120
Các khoản phải trả khác	1.895.542.070	-	-	1.895.542.070
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	57.196.117.667	-	-	57.196.117.667
<b>Cộng</b>	<b>59.976.871.087</b>	-	-	<b>59.976.871.087</b>

Các khoản phải trả có xu hướng tăng lên so với đầu năm, tuy nhiên các khoản phải trả vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn vốn, điều này cho thấy khả năng tự chủ về tài chính của đơn vị là tốt. Mặt khác dư lượng tiền và tương đương tiền là đủ nhiều để có thể đảm bảo không có rủi ro thanh toán xảy ra.

## 8 . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## 9 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn